

Bản án số: 92/2018/HS-PT
Ngày: 10-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân
Ông Võ Văn Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Lê Tuấn A do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 260/2017/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Tuấn A, sinh năm: 1998. Nơi sinh: TP. R, tỉnh Kiên Giang. Nơi ĐKTT: 986 N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: 986/20 N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam, con ông Lê Hùng D và bà Bùi Thị Thanh N; Tiền án, tiền sự: không. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa chỉ như trên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình Phi L, Lê Minh T, Võ Đỗ An T1, Lê Tuấn A và Võ Thành N là những người không có nghề nghiệp thường xuyên tụ tập chơi game, do không có tiền nên rủ nhau trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố R đem bán lấy tiền tiêu xài. Phương thức thủ đoạn là L cùng cả nhóm điều khiển xe mô tô đi theo các tuyến đường trong thành phố R tìm tài sản để sơ hở không người trông coi, tiếp cận lấy trộm của những người bị hại. Sau đó, L cùng đồng bọn đem tài sản

trộm cắp được đi bán chia tiền nhau xài. Với thủ đoạn như trên cả nhóm đã thực hiện những vụ trộm cắp sau:

-Vụ thứ nhất: vào khoảng 20 giờ ngày 22/3/2017, Đỗ Hoàng L1 (Sinh ngày: 15/10/1999, qua giám định độ tuổi từ 14 năm 3 tháng đến 14 năm 9 tháng) rủ Vũ Đình Phi L đi trộm cắp tài sản. L đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade, màu đen – đỏ (chưa xác định biển số) chở Đỗ Hoàng L1 đi đến trước nhà của chị Nguyễn Thị Thúy D, ở 129 L, phường V, thành phố R, thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Click màu đỏ, biển số 68M5 – 4543 đang đậu, L dùng xe đứng ngoài canh đường còn Luân đi đến dùng tay mở cốp xe lấy trộm 01 ví da màu đen bên trong có tiền Việt Nam 38.000.000đ, 222 USD (Đô la Mỹ), 200 AUD (Đô la Úc), 3 miếng vàng PNJ 24k mỗi miếng trọng lượng 01 chỉ, 10 cuốn sổ tiết kiệm và một số giấy tờ tùy thân khác của chị Nguyễn Thị Thúy D. Sau đó L1 chia cho L 02 tờ Đô la Mỹ trị giá 01 USD, số tài sản còn lại L1 giấu tiêu xài cá N không cho L biết. Đến ngày 23/3/2017, Luân mang vàng và ngoại tệ đến gặp chị Trần Thị L2, ở số 479 N, phường V, thành phố R, nhờ đem bán được 18.000.000đ (chị Lê không biết tài sản do L1 trộm cắp tài sản mà có), L1 cho chị L2 1.350.000đ. Ngày 17/4/2017, chị Lê biết tài sản trên do Luân trộm cắp mà có nên đã giao nộp 1.300.000đ cho công an thành phố R.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 02 giờ, ngày 23/6/2017, Vũ Đình Phi L rủ Lê Minh T2, Võ Đỗ An T1, Võ Thành N, Lê Tuấn A, Danh Kiệt (Sinh năm 2003) và Danh C (Sinh ngày: 01/01/2000) đi trộm cắp tài sản, cả nhóm đồng ý và cả nhóm đi bằng xe mô tô (chưa xác định biển số). Khi đi đến trước nhà của chị Lăng Nữ Chiêu A, ở D6 L, phường A, thành phố R, thấy cửa chính ngôi nhà đã khóa cửa biết không có người bên trong, Tuấn A dùng xe đứng ngoài canh đường còn L, T2, T1, N, Kiệt và Danh C cùng nhau dùng tay bẻ cửa chính ngôi nhà loại cửa nhôm xếp mở về hai phía, rồi cả nhóm đột nhập vào nhà và chia nhau ra lục soát, tìm kiếm tài sản lấy trộm. Vũ Đình Phi L tìm và lấy trộm 01 ví da màu đen, bên trong có 100 USD (Đô la Mỹ), 100 CAD (Đô la Canada), 01 máy tính xách tay màu đen hiệu HP (không rõ model) và một số tiền ngoại tệ khác không rõ giá trị. Lê Minh T lấy trộm 06 chai nước hoa không rõ nhãn hiệu. Danh C lấy trộm 01 máy chụp ảnh màu đen hiệu Canon (không rõ model); 01 ví da màu đen bên trong có 30.000.000đ và 01 máy tính bảng hiệu ipad air 2 màu xám. C đưa máy tính bảng và máy chụp ảnh cho T1 và T2 cất giữ, còn số tiền 30.000.000đ C tự cất giấu riêng. Sau đó, L, T1, N, Tuấn A và Kiệt mang máy tính xách tay bán cho anh Trần Phước Minh, ở số 242 Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, thành phố R, với giá 2.000.000đ (anh Minh không biết máy tính là tài sản trộm cắp) và máy chụp ảnh màu đen hiệu Canon T2 làm rơi mất không thu hồi được. Số tiền mệnh giá 100 USD và 100 CAD cả nhóm đem đến tiệm vàng “Kim Lập” bán được 4.000.000đ. Riêng máy tính bảng hiệu Ipad air 2 T1 và L đem bán cho anh Phan Văn C1, ở số 979 N, phường A, với giá 1.500.000đ (anh

C1 không biết máy tính là tài sản trộm cắp), rồi chia đều cho cả nhóm. Đến ngày 06/7/2017, anh C1 đã giao máy tính bảng hiệu Ipad air 2 cho Công an thành phố R và không yêu cầu L bồi thường.

- Vụ thứ ba: Vào khoảng 17 giờ, ngày 25/6/2017, Vũ Đình Phi L rủ Nguyễn Văn V (Sinh ngày: 26/3/2001) và B (chưa xác định N thân, địa chỉ) đi trộm cắp tài sản, V và B đồng ý. Khi đi đến trước nhà trọ của chị Trần Thị D, ở số B8 – 01 đường P, phường V, thành phố R, thấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza màu đen, biển số 68S1-314.79 đang đậu, L, B đứng ngoài canh đường còn V đi đến dùng tay mở cốp xe lấy trộm 01 ví da màu đen, hiệu vascara bên trong có tiền Việt Nam 2.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1, màu vàng. Sau đó V chia cho L 1.000.000đ còn điện thoại di động hiệu Oppo F1 thì V sử dụng và tiêu xài hết 1.000.000đ.

- Vụ thứ tư: Vào khoảng 23 giờ, ngày 26/6/2017, Vũ Đình Phi L, Lê Minh T2 và Nguyễn Văn V (Sinh năm: 2001), Danh C (sinh năm 2001) và Q, D1 (chưa xác định N thân, địa chỉ) bàn bạc nhau đi trộm cắp tài sản, cả nhóm đồng ý. Khi đi đến trước nha khoa “Thanh T”, ở số 454 M, phường V, thành phố R của anh Phạm Thanh K. Lúc này C và V dùng tay kéo cửa nhôm về hai bên để T2 và D1 đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu Dell (không rõ model) 01 điện thoại cảm ứng màu trắng nhãn hiệu HTC bán cho 01 người đàn ông (chưa xác định N thân và địa chỉ) với giá 900.000đ, rồi chia nhau tiêu xài cá N hết.

- Vụ thứ năm: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/7/2017, Vũ Đình Phi L, Nguyễn Văn S (Sinh năm 2001) và V1, H, P (chưa xác định N thân, địa chỉ) bàn bạc nhau đi trộm cắp tài sản, cả nhóm đồng ý. Khi đi đến nhà số A6 – 16 đường C, phường V, thành phố R của chị Vũ Thị Bảy, V dùng tay kéo cửa nhôm để cả nhóm đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm 01 máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu HP (không rõ model). Sau đó, cả nhóm đem máy tính xách tay màu đen, nhãn hiệu HP bán cho 01 người đàn ông đường N, phường V (chưa xác định N thân và địa chỉ), với giá 500.000đ, cả nhóm chia nhau tiêu xài cá N hết. Ngoài ra Vũ Thị B trình báo mất 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple ipad mini màu trắng nhưng cơ quan điều tra chưa chứng minh được Vũ Đình Phi L cùng đồng phạm lấy trộm, tiếp tục điều tra làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Từ ngày 07/7/2017 đến ngày 09/8/2017, Vũ Đình Phi L, Lê Minh T2, Võ Đỗ An T1, Lê Tuấn A và Võ Thành N lần lượt bị cơ quan cảnh sát điều tra – công an thành phố R khởi tố và ra lệnh bắt tạm giam. Đối với Lê Tuấn A bị khởi tố và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

*Vật chứng thu được:

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple ipad Air 2 64 GB, màu xám (đã trao trả cho chị Lăng Nữ Chiêu Anh)

- Tiền Việt Nam 1.350.000đ (đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Thúy D).

*Tại công văn số 469/STC-QLGCS, ngày 03/4/2017 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang xác nhận giá mua vào ngày 22/3/2017, loại vàng 24K là 3.396.000đ/chỉ, đô la Mỹ (USD) là 22.710 đồng/USD, đô la Úc(AUD) là 17.596 đồng/AUD.

*Tại công văn số: 1029/STC- QLGCS, ngày 03/8/2017 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang xác định giá mua vào ngày 23/6/2017, đô la Mỹ (USD) là 22,660 đồng/USD, đô la Canadian (CAD) là 16.762 đồng/CAD.

*Tại bản kết luận đánh giá số: 100/KL- TCKH, ngày 12/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R đã kết luận như sau:

- 01(một) máy tính bảng nhãn hiệu Apple Ipad air 2, màu xám, số imel: 355889060835540, màn hình bị nứt, đã qua sử dụng, có giá trị còn lại là 4.000.000đ.

*Tại công văn số: 39/CV-TCKH, ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 01(một) máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu HP màu xám, đã qua sử dụng, 01 máy tính xách tay (Laptop) nhãn hiệu HP màu xám, đã qua sử dụng, 01 máy ảnh (máy chụp hình) nhãn hiệu Canon màu đen đã qua sử dụng, do không thu hồi được hiện vật và không còn hóa đơn chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản đã từ chối định giá.

*Tại công văn số: 50/CV-TCKH, ngày 13/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, thành phố R kết luận: 6 chai nước hoa không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng; một máy tính xách tay (Laptop) màu đen nhãn hiệu HP đã qua sử dụng, do không thu hồi được tang vật và không còn hóa đơn, chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản đã từ chối định giá.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 260/2017/HSST ngày 12/12/2017 của Tòa án N dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Tuấn A** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm b, h và p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tuấn A 07 (bảy) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Vũ Đình Phi L 02 năm tù, Lê Minh T2 02 năm tù, Võ Đỗ An T1 01 năm tù, Võ Thành N 06 tháng tù, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/12/2017, bị cáo Lê Tuấn A có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Tuấn A thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án N dân thành phố R đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều

138 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS 1999 xử phạt bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người đúng tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp lại số tiền trộm cắp cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã đi đầu thú. Nên Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 7 tháng tù là thỏa đáng. Tuy nhiên, trong vụ án vai trò của bị cáo thấp hơn các bị cáo khác, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi xử sơ thẩm bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo chỉ cần giao bị cáo về địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn A đã đúng qui định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự (2015). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm:

a). Do không có tiền chơi game nên bị cáo Tuấn A cùng với 6 bị cáo khác rủ nhau lấy trộm tài sản, vào đêm khuya lúc 2 giờ các bị cáo đã bẻ khóa cửa nhà chị Lăng Nữ Chiêu A vào lấy tài sản tổng trị giá 42.442.200đ, bị cáo Tuấn A được chia 3.400.000đ tiêu xài cá N. Hành vi của bị cáo đã lén lút chủ sở hữu để lấy cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau sử dụng cho cá N do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và căn cứ vào giá trị tài sản trộm cắp án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 để xét xử bị cáo là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật.

b). Về tình tiết giảm nhẹ, án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, đầu thú để áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, thấy rằng bị cáo có đến 3 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sau khi phạm tội đã đi đầu thú, người bị hại cũng có yêu cầu cho bị cáo được hưởng

án treo. Bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án N dân tối cao do đó yêu cầu kháng cáo của bị cáo là có căn cứ chấp nhận nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự xử phạt bị cáo 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng. Xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo như đã phân tích ở phần [3] nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về điều luật áp dụng:

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội khóa XIV về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 theo nguyên tắc áp dụng những quy định có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng Điều 173 đối với tội “Trộm cắp tài sản”, các tình tiết giảm nhẹ được quy định tương ứng tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, án treo được quy định tương ứng tại Điều 65 – Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt cho bị cáo.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Tuấn A 07 (bảy) tháng tù** về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban N dân phường An Hòa, thành phố R, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Cáo Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 260/2017/HS-ST ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh KG;
- Sở tư pháp tỉnh KG;
- Trại tạm giam – CA tỉnh KG;
- Bị cáo;
- TAND TP. R;
- VKSND TP. R;
- Chi cục THADS TP. R;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hiếu